

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC LUẬT HỆ CHÍNH QUY KHÓA 38 (Đợt 3)

(Kèm theo Quyết định số: QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

SỐ TT	SỐ VÀO SỐ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI	NGÀY SINH	SỐ TC TL	ĐIỂM TBC		XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	TÊN LỚP	GHI CHÚ
						HỆ 10	HỆ 4			
1.		Nguyễn Thị Linh Trang	Nữ	16/12/1995	122	7.10	2.78	Khá	380154	
2.		Nông Văn Thành	Nam	21/10/1994	125	6.72	2.49	Trung bình	380259	
3.		Nguyễn Thị Thanh Lam	Nữ	01/02/1995	120	7.12	2.79	Khá	380313	
4.		Phan Thị Dung	Nữ	05/06/1995	120	6.88	2.61	Khá	380324	
5.		Vũ Đức Minh	Nam	22/07/1995	127	6.83	2.59	Khá	380353	
6.		Hà Thị Thủy	Nữ	12/08/1994	121	6.85	2.63	Khá	380361	
7.		Trương Thùy Dung	Nữ	01/09/1995	120	6.85	2.67	Khá	380402	
8.		Hoàng Thị Bích Thảo	Nữ	20/02/1993	121	6.91	2.64	Khá	380462	
9.		Bùi Thị Huê	Nữ	04/08/1994	125	6.73	2.5	Khá	380465	
10.		Đặng Thế Phi	Nam	07/05/1995	124	6.89	2.65	Khá	380520	
11.		Lê Thị Thủy	Nữ	25/05/1995	130	6.58	2.45	Trung bình	380533	
12.		Nguyễn Mạnh Cường	Nam	17/08/1995	124	7.11	2.75	Khá	380549	
13.		Nguyễn Phương Anh	Nữ	14/06/1995	120	7.15	2.79	Khá	380560	
14.		Lê Hương Trà	Nữ	30/07/1995	122	7.37	2.96	Khá	380644	
15.		Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	19/05/1994	129	6.67	2.52	Khá	380669	
16.		Nguyễn Đức Hải	Nam	18/07/1995	127	7.05	2.74	Khá	380722	
17.		Vũ Minh Dương	Nam	18/09/1995	126	6.39	2.32	Trung bình	380734	
18.		Tân Thị Thu Trang	Nữ	24/08/1993	123	6.81	2.59	Khá	380743	
19.		Nguyễn Thị Hà Bắc	Nữ	02/09/1994	132	6.67	2.5	Khá	380760	

20.		Đinh Thị Phương	Nữ	27/07/1993	127	6.95	2.7	Khá	380765	
21.		Dương Thị Ánh Nguyệt	Nữ	29/08/1994	121	6.65	2.47	Trung bình	380804	
22.		Ngô Thị Hoa	Nữ	20/03/1995	128	6.84	2.59	Khá	380807	
23.		Nhan Thị Hoài	Nữ	12/12/1995	125	6.74	2.53	Khá	380816	
24.		Lường Mai Huế	Nữ	19/12/1994	122	6.85	2.64	Khá	380819	
25.		Lường Văn Bình	Nam	15/05/1993	131	6.24	2.18	Trung bình	380834	
26.		Hà Trọng Thắng	Nam	01/11/1993	125	6.22	2.19	Trung bình	380861	
27.		Trương Hải Linh	Nữ	23/12/1995	123	6.65	2.54	Khá	380910	
28.		Tạm Đức Tuấn	Nam	24/08/1991	128	6.24	2.23	Trung bình	380915	
29.		Quách Công Lượng	Nam	19/11/1994	129	6.25	2.18	Trung bình	380923	
30.		Lê Thị Lan Phương	Nữ	22/12/1995	122	6.89	2.67	Khá	380943	
31.		Trần Thị Thanh Hiền	Nữ	30/06/1994	123	7.32	2.93	Khá	380952	
32.		Ngô Việt Hoàng	Nam	10/07/1994	127	6.84	2.61	Khá	380955	
33.		Trần Chí Thiện	Nam	30/01/1995	120	7.91	3.18	Khá	380960	
34.		Phạm Văn Cương	Nam	12/06/1991	127	6.59	2.48	Trung bình	380966	
35.		Tạ Thị Liễu	Nữ	06/02/1995	127	6.82	2.63	Khá	381033	
36.		Trịnh Thảo Ly	Nữ	26/11/1995	124	7.03	2.76	Khá	381046	
37.		Nguyễn Thị Hoàng Hạnh	Nữ	04/08/1995	125	7.45	3.00	Khá	391052	
38.		Bùi Phương Quý Anh	Nữ	10/03/1995	127	6.83	2.62	Khá	381106	
39.		Nguyễn Văn Sơn	Nam	10/08/1995	120	6.75	2.55	Khá	381136	
40.		Hoàng Văn Ba	Nam	12/08/1993	134	6.82	2.57	Khá	381151	
41.		Hà Thị Bình	Nữ	26/06/1995	122	6.91	2.62	Khá	381221	
42.		Hoàng Đức Tâm	Nam	30/08/1995	128	6.80	2.61	Khá	381225	
43.		Vũ Thị Trang	Nữ	13/09/1995	124	7.17	2.79	Khá	381244	
44.		Bùi Ngọc Khánh	Nam	16/01/1995	120	6.88	2.61	Khá	381258	
45.		Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	06/01/1995	122	6.74	2.54	Khá	381264	
46.		Trần Thị Kim Oanh	Nữ	12/10/1995	125	6.84	2.63	Khá	381316	
47.		Lý Mai Phương	Nữ	18/09/1993	129	6.29	2.22	Trung bình	381337	
48.		Lê Minh Tuấn	Nam	16/03/1993	126	6.66	2.51	Khá	381365	
49.		Lê Ngọc Hưng	Nam	12/01/1994	122	6.30	2.24	Trung bình	381366	
50.		Nguyễn Thế Tùng	Nam	25/06/1994	120	6.84	2.60	Khá	381368	

51.		Đặng Kiều Giang	Nữ	24/10/1995	120	7.05	2.70	Khá	381430	
52.		Lý Ngọc Ánh	Nữ	05/05/1994	124	6.54	2.46	Trung bình	381437	
53.		Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	22/08/1995	125	7.03	2.70	Khá	381441	
54.		Hoàng Thị Thái Vi	Nữ	28/06/1995	126	6.97	2.69	Khá	381444	
55.		Nguyễn Nam Trang	Nam	14/02/1994	122	6.24	2.23	Trung bình	381463	
56.		Hà Lệ Thu	Nữ	09/09/1995	121	7.14	2.8	Khá	381514	
57.		Lê Thị Thêu	Nữ	12/02/1994	120	7.11	2.73	Khá	381523	
58.		Bàn Thị Nhung	Nữ	08/11/1994	125	6.75	2.54	Khá	381560	
59.		Nông Quỳnh Thu	Nữ	01/02/1994	121	6.93	2.68	Khá	381567	
60.		Trương Hà Phương	Nữ	24/10/1995	120	6.94	2.61	Khá	381664	
61.		Anousa Lengsath	Nam	11/11/1987	124	6.06	2.13	Trung bình	381668	
62.		Lê Hoàng Đăng	Nam	13/01/1995	121	6.97	2.67	Khá	381746	
63.		Nguyễn Thị Hòa	Nữ	07/06/1995	122	6.85	2.62	Khá	381810	
64.		Lý Thị Mai Phương	Nữ	26/12/1994	123	7.35	2.98	Khá	381858	
65.		Lương Nhật Lệ	Nữ	29/01/1994	122	6.90	2.62	Khá	381860	
66.		Bùi Thị Thu Hà	Nữ	27/10/1995	121	6.97	2.72	Khá	382015	
67.		Phan Thị Hằng	Nữ	03/08/1995	122	6.78	2.6	Khá	382023	
68.		Nông Thị Bình	Nữ	26/08/1994	130	6.90	2.62	Khá	382058	
69.		Nguyễn Trí Dũng	Nam	17/06/1995	130	7.22	2.84	Khá	382146	
70.		Sun Matay	Nữ	12/09/1993	130	6.21	2.25	Trung bình	382160	
71.		Phạm Thị Mai	Nữ	12/04/1995	130	7.35	2.97	Khá	382215	
72.		Chu Hoàng Hải	Nữ	27/05/1995	130	7.44	2.98	Khá	382223	
73.		Nguyễn Minh Nhật	Nam	30/08/1995	130	6.86	2.64	Khá	382242	
74.		Hoàng Thu Trang	Nữ	27/03/1995	121	6.89	2.69	Khá	382320	
75.		Đinh Thị Thu Huyền	Nữ	02/11/1995	125	7.71	3.19	Khá	382371	
76.		Đặng Nhật Trường	Nam	04/09/1995	121	7.27	2.85	Khá	382375	
77.		Chế Thị Mai Phương	Nữ	15/09/1995	121	7.04	2.76	Khá	382415	
78.		Trần Thị Hoa	Nữ	30/03/1995	121	7.29	2.86	Khá	382419	
79.		Đặng Thị Đào	Nữ	15/01/1995	120	7.67	3.13	Khá	382420	
80.		Vũ Anh Quân	Nam	23/08/1995	121	7.28	2.94	Khá	382440	
81.		Hồ Công Huy	Nam	08/03/1994	121	6.88	2.63	Khá	382463	

[illegible]